

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 36

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, Số 11 Đường Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại các Thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Chủ tịch
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Shekhar Himanshu	Phó Tổng Giám đốc

bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt
Bà Đặng Kiện Phương

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đề ngày 26 tháng 8 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:


DIGIWORLD

Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2024

Số tham chiếu: 11540875/67736022/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") được lập ngày 26 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.416.427.207.944	6.419.719.218.733
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	820.416.068.711	1.410.796.874.354
111	1. Tiền		273.299.070.032	147.336.959.163
112	2. Các khoản tương đương tiền		547.116.998.679	1.263.459.915.191
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.691.234.896.515	2.017.318.232.324
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	2.355.498.453.974	1.723.415.850.009
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	93.640.444.605	28.287.066.814
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	243.023.430.539	260.060.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	42.393.913.650	49.134.925.843
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 7	(43.321.346.253)	(43.579.610.342)
140	III. Hàng tồn kho	8	2.724.562.083.848	2.840.524.485.454
141	1. Hàng tồn kho		2.866.807.542.557	2.967.002.782.273
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(142.245.458.709)	(126.478.296.819)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		180.214.158.870	151.079.626.601
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	16.565.789.202	13.396.843.749
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		162.813.367.031	137.013.841.088
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		835.002.637	668.941.764
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		697.439.863.304	713.778.982.679
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		11.383.234.702	9.952.308.700
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	11.383.234.702	9.952.308.700
220	II. Tài sản cố định		89.932.588.262	97.646.873.084
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	29.852.812.501	35.989.772.940
222	Nguyên giá		69.143.991.511	75.465.935.339
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(39.291.179.010)	(39.476.162.399)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	60.079.775.761	61.657.100.144
228	Nguyên giá		70.096.550.692	70.096.550.692
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.016.774.931)	(8.439.450.548)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		12.851.081.940	12.851.081.940
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	12.851.081.940	12.851.081.940
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	517.893.332.380	493.843.332.380
251	1. Đầu tư vào công ty con		628.995.750.000	602.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		-	2.945.750.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(111.102.417.620)	(111.102.417.620)
260	V. Tài sản dài hạn khác		65.379.626.020	99.485.386.575
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	12.867.023.139	7.533.401.154
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.3	52.512.602.881	91.951.985.421
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.113.867.071.248	7.133.498.201.412

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.311.825.584.570	4.521.472.248.628
310	I. Nợ ngắn hạn		4.307.791.955.143	4.513.703.619.201
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	1.537.529.389.333	1.392.988.345.264
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	167.404.780.429	113.945.353.296
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	6.129.962.576	25.116.530.731
314	4. Phải trả người lao động		16.333.482.483	22.588.049.178
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	23.765.719.737	236.747.498.068
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	53.403.891.198	517.516.607.209
320	7. Vay ngắn hạn	18	2.503.224.729.387	2.204.801.235.455
330	II. Nợ dài hạn		4.033.629.427	7.768.629.427
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	4.033.629.427	7.768.629.427
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.802.041.486.678	2.612.025.952.784
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	2.802.041.486.678	2.612.025.952.784
411	1. Vốn cổ phần		1.672.047.430.000	1.672.244.430.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.672.047.430.000	1.672.244.430.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		61.233.761.416	61.233.761.416
415	3. Cổ phiếu quỹ		(6.272.937.166)	(6.439.937.166)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		400.000.000	400.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.074.633.232.428	884.587.698.534
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		884.587.698.534	543.186.436.252
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		190.045.533.894	341.401.262.282
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.113.867.071.248	7.133.498.201.412

Trần Quế Tâm

Trần Quế Tâm
Người lập

Vũ Thị Mai Hân

Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam


Ngày 26 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
 Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

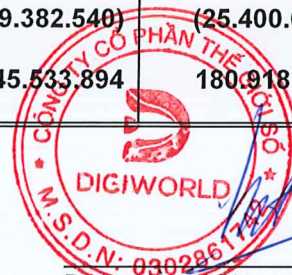
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	9.400.487.600.657	8.132.172.519.718
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(71.400.613.920)	(4.557.156.975)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	9.329.086.986.737	8.127.615.362.743
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(8.606.321.332.347)	(7.547.911.605.539)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		722.765.654.390	579.703.757.204
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	69.986.879.918	83.209.706.289
22	7. Chi phí tài chính	23	(64.234.381.453)	(70.255.163.960)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	(39.159.618.264)	(67.692.440.902)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(426.569.641.740)	(306.833.864.337)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(60.237.691.310)	(58.502.273.663)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		241.710.819.805	227.322.161.533
31	11. Thu nhập khác		777.406.194	1.083.055.819
32	12. Chi phí khác		(2.927.117.835)	(2.044.536.216)
40	13. Lỗ khác		(2.149.711.641)	(961.480.397)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		239.561.108.164	226.360.681.136
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(10.076.191.730)	(20.041.974.160)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	25.3	(39.439.382.540)	(25.400.684.149)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		190.045.533.894	180.918.022.827


 Trần Quốc Tâm
 Người lập


 Vũ Thị Mai Hân
 Kế toán trưởng


 Đoàn Hồng Việt
 Chủ tịch



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		239.561.108.164	226.360.681.136
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	5.423.047.847	4.557.281.796
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		15.508.897.801	(24.669.393.497)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(24.677.987.316)	(32.581.749.239)
06	Chi phí lãi vay	23	39.159.618.264	67.692.440.902
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		274.974.684.760	241.359.261.098
09	Tăng các khoản phải thu		(691.057.545.514)	(746.075.967.046)
10	Giảm hàng tồn kho		100.195.239.716	717.353.831.297
11	Giảm các khoản phải trả		(486.755.802.710)	(132.765.001.665)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(8.502.567.438)	4.028.521.865
14	Lãi vay đã trả		(41.026.313.637)	(70.675.925.045)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(29.523.851.637)	(38.755.629.206)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(881.696.156.460)	(25.530.908.702)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(24.440.556.936)	(17.761.075.797)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		3.181.818.182	-
23	Tiền chi cho vay		(313.400.631.239)	(180.208.960.395)
24	Tiền thu hồi cho vay		330.437.200.700	116.919.520.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(24.050.000.000)	(515.960.395)
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia		21.194.026.178	32.581.749.239
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(7.078.143.115)	(48.984.727.348)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	40.000.000.000
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(30.000.000)	(25.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay	18	5.407.664.327.137	4.853.798.291.609
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(5.109.240.833.205)	(4.690.816.637.694)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		298.393.493.932	202.956.653.915

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(590.380.805.643)	128.441.017.865
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.410.796.874.354	811.520.984.485
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	820.416.068.711	939.962.002.350


 Trần Quế Tâm
 Người lập


 Vũ Thị Mai Hàn
 Kế toán trưởng


 Đoàn Hồng Việt
 Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ("SKHĐT") cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, Số 11 Đường Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại các Thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 473 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 467).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đề ngày 26 tháng 8 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quý, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	21 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
Phần mềm máy tính	2 – 6 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng trong từng kỳ tương lai khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	567.839.000	433.052.000
Tiền gửi ngân hàng	272.731.231.032	146.903.907.163
Các khoản tương đương tiền (*)	547.116.998.679	1.263.459.915.191
TỔNG CỘNG	820.416.068.711	1.410.796.874.354

(*) Các khoản tương đương tiền vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm:

- Các khoản tiền gửi tiết kiệm trị giá 82.000.000.000 VND tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn không quá ba (3) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng; và
- Các khoản đầu tư vào trái phiếu ngân hàng trị giá 465.116.998.679 VND. Các khoản đầu tư này được cam kết mua lại bởi các công ty chứng khoán trong khoảng thời gian dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 4,6%/ năm đến 4,8%/ năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu các bên khác	2.301.996.414.070	1.657.573.397.389
- Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	1.172.922.263.086	140.169.916.930
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Hoàng Hà	143.960.322.046	200.281.069.672
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xây dựng Kỹ thuật Diệu Phúc	91.743.796.213	140.704.911.748
- Khác	893.370.032.725	1.176.417.499.039
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 26)	53.502.039.904	65.842.452.620
TỔNG CỘNG	2.355.498.453.974	1.723.415.850.009
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(10.447.246.761)	(10.705.510.850)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.345.051.207.213	1.712.710.339.159

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH Công Nghệ Huawei Việt Nam	30.218.598.659	4.058.241.911
Công ty Cổ phần Địa ốc Ngân Hiệp	21.840.638.628	13.487.921.046
Công ty TNHH CT-Wearnes Việt Nam	15.500.000.000	-
Công ty TNHH Nestlé Việt Nam	11.408.108.562	-
Khác	14.673.098.756	10.740.903.857
TỔNG CỘNG	93.640.444.605	28.287.066.814

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Chi tiết phải thu về cho vay ngắn hạn như sau:

Bên vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Việt Money	88.500.000.000	Từ ngày 12 tháng 12 năm 2024 đến ngày 23 tháng 6 năm 2025	Từ 10,95 đến 12	Tín chấp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	57.871.264.199	Từ ngày 30 tháng 1 năm 2025 đến ngày 27 tháng 6 năm 2025	4,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Achison	55.652.166.340	Từ ngày 19 tháng 9 năm 2024 đến ngày 7 tháng 11 năm 2024	6,3	Tín chấp
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	41.000.000.000	Từ ngày 27 tháng 2 năm 2025 đến ngày 24 tháng 5 năm 2025	4,5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>243.023.430.539</u>			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	243.023.430.539			

7. PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	42.393.913.650	49.134.925.843
Dragon Technology Distribution Pte. Ltd	32.874.099.492	32.874.099.492
Đặt cọc, ký quỹ	680.617.072	4.047.177.712
Tạm ứng cho nhân viên	591.979.501	298.576.245
Khác	8.247.217.585	11.915.072.394
Dài hạn	11.383.234.702	9.952.308.700
Đặt cọc, ký quỹ	11.383.234.702	9.952.308.700
TỔNG CỘNG	53.777.148.352	59.087.234.543
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(32.874.099.492)	(32.874.099.492)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>20.903.048.860</u>	<u>26.213.135.051</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên khác</i>	52.945.949.353	59.087.234.543
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	831.198.999	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Hàng hóa	2.436.693.661.993	2.512.305.239.304
Hàng mua đang đi đường	378.420.878.115	414.111.813.586
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	51.693.002.449	32.102.041.450
Hàng gửi đi bán	-	8.483.687.933
TỔNG CỘNG	2.866.807.542.557	2.967.002.782.273
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(142.245.458.709)	(126.478.296.819)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.724.562.083.848	2.840.524.485.454

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	16.565.789.202	13.396.843.749
Chi phí hoạt động	9.324.492.424	8.158.822.912
Chi phí thuê	6.319.445.945	5.137.011.569
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	921.850.833	101.009.268
Dài hạn	12.867.023.139	7.533.401.154
Chi phí hoạt động	11.508.703.605	6.075.176.856
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.358.319.534	1.458.224.298
TỔNG CỘNG	29.432.812.341	20.930.244.903

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	21.183.180.735	5.694.734.065	45.044.820.615	3.543.199.924	75.465.935.339
Mua mới	-	63.694.444	-	524.144.910	587.839.354
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(6.909.783.182)	-	(6.909.783.182)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	21.183.180.735	5.758.428.509	38.135.037.433	4.067.344.834	69.143.991.511
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	4.754.368.516	6.427.054.736	2.589.007.140	13.770.430.392
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(12.216.897.055)	(5.265.969.101)	(19.161.403.433)	(2.831.892.810)	(39.476.162.399)
Khấu hao trong kỳ	(426.802.549)	(139.433.861)	(3.131.045.219)	(148.441.835)	(3.845.723.464)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	4.030.706.853	-	4.030.706.853
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	(12.643.699.604)	(5.405.402.962)	(18.261.741.799)	(2.980.334.645)	(39.291.179.010)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	8.966.283.680	428.764.964	25.883.417.182	711.307.114	35.989.772.940
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	8.539.481.131	353.025.547	19.873.295.634	1.087.010.189	29.852.812.501

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>		<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>VND</i>
				<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 30 tháng 6 năm 2024	<u>57.382.176.180</u>	<u>12.714.374.512</u>		<u>70.096.550.692</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	2.194.005.963		2.194.005.963
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	(8.439.450.548)		(8.439.450.548)
Hao mòn trong kỳ	-	(1.577.324.383)		(1.577.324.383)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	-	(10.016.774.931)		(10.016.774.931)
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>57.382.176.180</u>	<u>4.274.923.964</u>		<u>61.657.100.144</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>57.382.176.180</u>	<u>2.697.599.581</u>		<u>60.079.775.761</u>

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Phần mềm máy tính	<u>12.851.081.940</u>	<u>12.851.081.940</u>

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con trực tiếp						
Công ty TNHH Một Thành viên Digeworld Venture (i)	602.000.000.000	(111.102.417.620)	490.897.582.380	100	100	602.000.000.000 (111.102.417.620)
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam (ii)	26.995.750.000	-	26.995.750.000	90	90	-
Đầu tư vào công ty liên kết trực tiếp						
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	-	-	-	-	-	2.945.750.000
TỔNG CỘNG	628.995.750.000	(111.102.417.620)	517.893.332.380			604.945.750.000 (111.102.417.620) 493.843.332.380
						2.945.750.000 49,1 25

(i) Công ty TNHH MTV Digiworld Venture ("Venture") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313309149 do SKHĐT cấp ngày 16 tháng 6 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Venture là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử. Venture có trụ sở đăng ký tại Số 195 – 197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

(ii) Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam ("B2X") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0314800952 do SKHĐT cấp ngày 22 tháng 12 năm 2017, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của B2X là cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý, lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn liên quan đến lắp đặt phần cứng máy tính và các dịch vụ máy tính khác. B2X có trụ sở đăng ký tại Số 282 Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả các bên khác	1.537.528.859.150	1.392.231.551.479
- Công ty TNHH Apple Việt Nam	429.880.085.644	544.112.489.312
- Xiaomi H.K Limited	326.483.828.158	352.244.760.091
- Asus Global Pte. Ltd	207.356.059.361	156.109.891.004
- Khác	573.808.885.987	339.764.411.072
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 26)	530.183	756.793.785
TỔNG CỘNG	<u>1.537.529.389.333</u>	<u>1.392.988.345.264</u>

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Xiaomi H.K Limited	129.863.678.517	83.633.572.288
Khác	37.541.101.912	30.311.781.008
TỔNG CỘNG	<u>167.404.780.429</u>	<u>113.945.353.296</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.916.309.847	10.076.191.730	(29.523.851.637)	5.468.649.940
Thuế giá trị gia tăng	-	1.859.388.725.239	(1.859.388.725.239)	-
Thuế thu nhập cá nhân	200.220.884	4.241.150.963	(3.780.059.211)	661.312.636
Thuế khác	-	4.707.563.087	(4.707.563.087)	-
TỔNG CỘNG	<u>25.116.530.731</u>	<u>1.878.413.631.019</u>	<u>(1.897.400.199.174)</u>	<u>6.129.962.576</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chiết khấu thương mại và hỗ trợ bán hàng	17.995.872.756	224.928.472.629
Chi phí hoạt động	3.595.519.574	7.778.002.659
Lãi vay	2.174.327.407	4.041.022.780
TỔNG CỘNG	<u>23.765.719.737</u>	<u>236.747.498.068</u>

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	53.403.891.198	517.516.607.209
Chi trả hộ	48.548.182.290	12.523.927.784
Bảo hiểm	2.400.202.908	2.349.974.784
Nhận ký quỹ, ký cược	2.230.000.000	-
UPAS L/C	-	502.415.914.000
Khác	225.506.000	226.790.641
Dài hạn	4.033.629.427	7.768.629.427
Nhận ký quỹ, ký cược	4.033.629.427	7.768.629.427
TỔNG CỘNG	<u>57.437.520.625</u>	<u>525.285.236.636</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	40.699.248.676	-
<i>Phải trả bên khác</i>	16.738.271.949	525.285.236.636

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND	Lãi suất %/năm
Vay ngân hàng	2.204.801.235.455	5.407.664.327.137	(5.109.240.833.205)	2.503.224.729.387		
Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp này nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:						
<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>VND</i>	<i>Ngày đến hạn</i>			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	860.260.402.274		Từ ngày 15 tháng 7 năm 2024 đến ngày 3 tháng 10 năm 2024			Từ 3,0 đến 3,3
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1	731.580.646.920		Từ ngày 21 tháng 8 năm 2024 đến ngày 11 tháng 10 năm 2024			3,2
Ngân Hàng TNHH HSBC (Việt Nam)	394.485.135.424		Từ ngày 31 tháng 7 năm 2024 đến ngày 19 tháng 8 năm 2024			3,8
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	200.000.000.000		16 tháng 7 năm 2024			3,8
Ngân hàng TNHH United Oversea Bank Việt Nam	199.553.384.871		Từ ngày 16 tháng 7 năm 2024 đến ngày 23 tháng 7 năm 2024			2,9
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	117.345.159.898		Từ ngày 23 tháng 7 năm 2024 đến ngày 10 tháng 9 năm 2024			Từ 3,6 đến 4,5
TỔNG CỘNG	2.503.224.729.387					

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.632.299.430.000	61.233.761.416	(6.302.937.166)	400.000.000	710.259.410.252	2.397.889.664.502
Mua lại cổ phiếu	-	-	(25.000.000)	-	-	(25.000.000)
Giảm vốn	(55.000.000)	-	55.000.000	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	180.918.022.827	180.918.022.827
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>1.632.244.430.000</u>	<u>61.233.761.416</u>	<u>(6.272.937.166)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>891.177.433.079</u>	<u>2.578.782.687.329</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.672.244.430.000	61.233.761.416	(6.439.937.166)	400.000.000	884.587.698.534	2.612.025.952.784
Mua lại cổ phiếu trong kỳ (i)	-	-	(30.000.000)	-	-	(30.000.000)
Giảm vốn (ii)	(197.000.000)	-	197.000.000	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	190.045.533.894	190.045.533.894
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>1.672.047.430.000</u>	<u>61.233.761.416</u>	<u>(6.272.937.166)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>1.074.633.232.428</u>	<u>2.802.041.486.678</u>

(i) Vào ngày 21 tháng 2 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị Quyết số 03/2024/NQ-HĐQT về việc mua lại 3.000 cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động của những nhân viên nghỉ việc để làm cổ phiếu quỹ, với giá mua lại là 10.000 VND/ cổ phiếu. Vào ngày 8 tháng 3 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc mua lại này.

(ii) Vào ngày 25 tháng 4 năm 2024, các Cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ về việc giảm vốn cổ phần từ 1.672.244.430.000 VND xuống còn 1.672.047.430.000 VND. Theo đó, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 32 do SKHĐT cấp ngày 6 tháng 5 năm 2024, về việc giảm vốn cổ phần của Công ty còn 1.672.047.430.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	1.672.244.430.000	1.632.299.430.000
Giảm vốn	<u>(197.000.000)</u>	<u>(55.000.000)</u>
Số cuối năm	<u>1.672.047.430.000</u>	<u>1.632.244.430.000</u>

19.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Cổ phiếu đã được duyệt	167.204.743	167.224.443
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	167.204.743	167.224.443
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	167.204.743	167.224.443
Cổ phiếu quỹ	151.469	168.169
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	151.469	168.169
Cổ phiếu đang lưu hành	167.053.274	167.056.274
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	167.053.274	167.056.274

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Tổng doanh thu	9.400.487.600.657	8.132.172.519.718
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	9.247.888.392.939	8.011.175.958.867
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	152.599.207.718	120.996.560.851
Các khoản giảm trừ doanh thu	(71.400.613.920)	(4.557.156.975)
DOANH THU THUẦN	<u>9.329.086.986.737</u>	<u>8.127.615.362.743</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	9.224.744.995.044	8.006.618.801.892
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	104.341.991.693	120.996.560.851
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	9.224.972.265.431	8.044.670.940.835
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	104.114.721.306	82.944.421.908

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Chiết khấu thanh toán	21.404.529.256	19.493.284.787
Lãi chênh lệch tỷ giá	21.368.347.319	30.816.577.008
Lãi trái phiếu	14.543.855.856	21.999.185.901
Lãi từ cho vay và tiền gửi ngân hàng	9.831.389.607	9.430.914.322
Cổ tức được chia	-	1.469.744.271
Khác	2.838.757.880	-
TỔNG CỘNG	<u>69.986.879.918</u>	<u>83.209.706.289</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Giá vốn hàng bán	8.471.965.956.129	7.460.007.722.621
Giá vốn dịch vụ cung cấp	134.355.376.218	87.903.882.918
TỔNG CỘNG	<u>8.606.321.332.347</u>	<u>7.547.911.605.539</u>

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí bán hàng	426.569.641.740	306.833.864.337
Chi phí hỗ trợ bán hàng	345.411.127.830	232.139.874.813
Chi phí nhân công	27.746.124.933	25.069.241.469
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.082.902.055	29.976.776.072
Chi phí vận chuyển	18.925.700.183	15.694.465.926
Khác	10.403.786.739	3.953.506.057
Chi phí quản lý doanh nghiệp	60.237.691.310	58.502.273.663
Chi phí nhân công	29.620.163.927	27.582.174.429
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.057.480.544	7.839.150.627
Khác	18.560.046.839	23.080.948.607
TỔNG CỘNG	<u>486.807.333.050</u>	<u>365.336.138.000</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí lãi vay	39.159.618.264	67.692.440.902
Lỗi chênh lệch tỷ giá	12.468.939.896	2.509.805.206
Lỗi do thanh lý chứng khoán kinh doanh	11.089.020.000	-
Khác	1.516.803.293	52.917.852
TỔNG CỘNG	<u>64.234.381.453</u>	<u>70.255.163.960</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Giá mua hàng hóa	8.606.321.332.347	7.547.911.605.539
Chi phí hỗ trợ bán hàng	345.411.127.830	232.139.874.813
Chi phí nhân công	57.366.288.860	52.651.415.898
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.066.082.782	53.510.392.625
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10, 11)	5.423.047.847	4.557.281.796
Chi phí khác	23.540.785.731	22.477.172.868
TỔNG CỘNG	<u>9.093.128.665.397</u>	<u>7.913.247.743.539</u>

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.076.191.730	20.041.974.160
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	39.439.382.540	25.400.684.149
TỔNG CỘNG	<u>49.515.574.270</u>	<u>45.442.658.309</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	239.561.108.164	226.360.681.136
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	47.912.221.633	45.272.136.227
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được trừ	756.624.911	464.470.936
Khác	846.727.726	(293.948.854)
Chi phí thuế TNDN	49.515.574.270	45.442.658.309

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán.

25.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí phải trả	4.756.684.695	47.349.499.613	(42.592.814.918)	(20.466.805.450)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	28.449.091.742	25.295.659.364	3.153.432.378	(4.933.878.699)
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	19.306.826.444	19.306.826.444	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	52.512.602.881	91.951.985.421		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(39.439.382.540)	(25.400.684.149)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiên Phương	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên HĐQT/ Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên HĐQT/ Thành viên Ủy ban Kiểm toán
Công ty TNHH MTV Digiworld Venture	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thương Mại và Sản xuất Bellvina	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV DPharma	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Achison	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Việt Money Holdings	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Việt Money	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Giải pháp Bất động sản Việt Land	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Việt Technologies	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH B2X Care Solutions Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH MTV Created Future	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV DHV	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV DKP	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV TOHT	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Công ty con gián tiếp	Thu tiền cho vay	152.610.000.000	-
		Cho vay	91.721.264.199	74.000.000.000
		Lãi cho vay	1.992.784.570	-
		Mua hàng hóa	514.086.827	655.042.100
		Cung cấp dịch vụ	112.810.500	3.229.734.243
		Bán hàng hóa	56.364	1.495.985.102
Công ty TNHH Một Thành viên Digiworld Venture	Công ty con trực tiếp	Góp vốn	-	102.265.960.395
		Lãi cho vay	-	2.225.587.773

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Công ty Cổ phần Achison	Công ty con gián tiếp	Thu tiền cho vay	106.527.200.700	-
		Cho vay	97.179.367.040	-
		Bán hàng hóa	4.926.642.716	341.814.917
		Lãi cho vay	2.047.436.785	-
		Mua dịch vụ	6.944.459	-
Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa	61.651.584.279	48.922.801.985
		Cho vay	52.600.000.000	3.000.000.000
		Thu tiền cho vay	40.100.000.000	42.000.000.000
		Mua dịch vụ	1.542.860.010	3.318.916.379
		Lãi cho vay	581.416.439	1.258.235.616
		Mua hàng hóa Cung cấp dịch vụ	- -	29.827.988.158 251.092.273
Công ty Cổ phần Việt Money	Công ty con gián tiếp	Cho vay	47.000.000.000	-
		Thu tiền cho vay	7.000.000.000	-
		Lãi cho vay	4.439.855.557	547.500.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết gián tiếp	Bán hàng hóa	37.013.887.121	27.758.139.096
		Cung cấp dịch vụ	384.588.810	944.854.292
		Thu tiền cho vay	-	3.719.520.000
		Lãi cho vay	-	423.630.144
Công ty TNHH Một Thành viên Dpharma	Công ty con gián tiếp	Mua dịch vụ	2.735.607.965	2.183.098.278
		Thu tiền cho vay	-	8.000.000.000
		Lãi cho vay	-	297.068.493
Công ty TNHH B2X Care Solutions Việt Nam	Công ty con gián tiếp	Mua dịch vụ	18.333.334	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Bellvina	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ	6.818.182	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa	32.135.597.416	45.396.016.486
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết gián tiếp	Cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa	18.150.968.888	12.316.726.372
Công ty Cổ phần Achison	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa	3.215.473.600	8.129.709.762
			53.502.039.904	65.842.452.620
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Việt Money	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay	509.400.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay	221.424.658	-
Công ty Cổ phần Achison	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay	60.741.148	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay	39.633.193	-
			831.198.999	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Việt Money	Công ty con gián tiếp	Cho vay	88.500.000.000	47.800.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Công ty con gián tiếp	Cho vay	57.871.264.199	118.760.000.000
Công ty Cổ phần Achison	Công ty con gián tiếp	Cho vay	55.652.166.340	65.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Cho vay	41.000.000.000	28.500.000.000
			243.023.430.539	260.060.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

			VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hóa	530.183	-
Công ty TNHH Một Thành viên Dpharma	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hóa	-	756.793.785
			530.183	756.793.785

Phải trả ngắn hạn khác

Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Thu chi hộ	40.699.248.676	-
--	-----------------------	------------	----------------	---

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm toán nội bộ như sau:

		VND	
Tên	Chức vụ	Thù lao	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc	91.440.000	80.470.000
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	89.814.000	81.958.000
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc	86.058.000	80.470.000
Ông Shekhar Himanshu	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 6 tháng 5 năm 2024)	543.538.913	-
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập	60.000.000	60.000.000
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập	60.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG		930.850.913	362.898.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Dưới 1 năm	189.391.630.058	44.441.030.340
Từ 1 đến 5 năm	275.329.655.519	115.254.115.279
Trên 5 năm	36.410.146.542	6.901.269.606
TỔNG CỘNG	<u>501.131.432.119</u>	<u>166.596.415.225</u>

Bảo lãnh


Công ty đã bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology và Công ty Cổ phần Achison với số tiền tối đa lần lượt là 50.000.000.000 VND và 60.000.000.000 VND.


28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 (“Nghị quyết 02”), Hội đồng Quản trị đã thông qua các Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐQT ngày 3 tháng 7 năm 2024 và Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 7 năm 2024 công bố các nội dung sau:

- Trả cổ tức bằng tiền (mỗi cổ đông đang nắm giữ 1 cổ phiếu nhận 500 VND);
- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (mỗi cổ đông đang nắm giữ 100 cổ phiếu sẽ nhận được 30 cổ phiếu phát hành thêm) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối; và
- Phát hành 2.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với giá phát hành là 10.000 VND/ cổ phiếu.

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.


Trần Quế Tâm
Người lập


Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2024

EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2024 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn